TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 910/2024/HS-PT
Ngày: 24 - 9 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 626/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Thị X, do có kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị H đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Bùi Thị X**,** sinh năm 1979 tại Hưng Yên; Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1941; gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; C1 sống như vợ chồng với Đào Ngọc T, sinh năm 1972 và có 03 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 09/5/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Trọng N1 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1952 (xin xét xử vắng mặt);

HKTT: Số G T, Phường I, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số A N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: Khu A Xóm L, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Trong vụ án còn có các bị hại khác không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, từ năm 2018 đến năm 2020, Bùi Thị X đã có hành vi gian dối thực hiện 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối để bán đất, kêu gọi hùn vốn chung để mua đất làm cho người bị hại tin tưởng đưa tiền cho X rồi bị X chiếm đoạt. Tổng số tiền mà X chiếm đoạt của các bị hại là 9.442.000.000 đồng . Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Bùi Thị X quen biết bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1978, ngụ tại: tổ G, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018, X mượn tiền của bà N2 số tiền 720.000.000 đồng, sau đó bà N2 yêu cầu X trả lại số tiền nêu trên để bà N2 tìm mua đất xây nhà. X nói với bà N2 do số tiền mượn hiện chưa có để trả, X sẽ cấn trừ thửa đất của X cho bà N2. X đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK68789, có số tờ 11, thửa đất số 8, diện tích 104m2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai trị giá 1.250.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà N2 đưa thêm cho X số tiền 280.000.000 đồng. Đến cuối tháng 12/2019, X nói bà N2 đưa thêm cho X số tiền 650.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N2, Tổng số tiền bà N2 đã đưa cho X là 930.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày không có nhà để giao như thỏa thuận, bà N2 tự đi tìm hiểu thì được biết thửa đất số 8, bản đồ số 11 tại phường T là của vợ chồng ông Phạm Trung T1 và bà Phan Thị T2, cùng ngụ tại: ấp L, xã T, thành phố B và không có việc trao đổi mua bán với X, giấy chứng nhận nêu trên là do bà T2 sợ mất trộm nên gửi cho X cất giữ giúp vì nhà X có két sắt. Bà N2 tìm X yêu cầu trả lại tiền thì X cố tình né tránh nên bà N2 làm đơn tố cáo X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Tổng cộng số tiền bị cáo Bùi Thị X chiếm đoạt của bà N2 là 1.650.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1974, ngụ tại tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai quen biết với Bùi Thị X. Vào tháng 02/2020, X nói cho bà X1 biết chị Nguyễn Thị P, thường trú: Tổ D, ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có lô đất muốn bán thuộc tờ bản đồ số 84, cắt từ thửa 592 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và rủ bà X1 mua chung thì được bà X1 đồng ý. Để bà X1 tin tưởng giao tiền, X tự viết 01 giấy "Hợp đồng nhận cọc" trong đó có chữ ký người bán là Nguyễn Thị P, Người làm chứng là Nguyễn Văn T3 rồi đưa cho chị X1 ký và giữ hợp đồng đặt cọc. Sau đó cho bà X1 đã đưa cho X số tiền 400.000.000 đồng.

Đến ngày 08/3/2020, X tiếp tục đưa thông tin giả có thửa đất diện tích 208 m2, thuộc tờ bản đồ số 11, cắt thửa số 8 trị giá 1 tỷ của ông Phạm Trung T1 muốn bán để về quê và rủ bà X1 mua chung. Để bà X1 tin tưởng, X tự viết 01 giấy "hợp đồng nhận cọc" giữa ông Phạm Trung T1 và bà Nguyễn Thị X1 rồi đưa cho bà X1, sau đó nói bà X1 góp 500.000.000 đồng. Do tin tưởng nên bà X1 đưa cho X số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi đưa số tiền 900.000.000 đồng cho X để mua đất và được X hứa hẹn sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà X1, bà X1 nhiều lần yêu cầu X làm thủ tục chuyển nhượng nhưng X né tránh. Bà X1 tìm hiểu thì biết ông Phạm Trung T1 không mua bán, trao đổi đất với X, đồng thời không có thửa đất nào của bà Nguyễn Thị P, cũng như không có ai tên P sở hữu thửa đất trên. Ngoài ra bà X1 còn cho bị cáo vay số tiền 280.000.000 đồng nhưng chưa trả được bị cáo thừa nhận.

Vụ thứ ba: Bà Phan Thị T2, sinh năm 1970, thường trú: khu phố L, phường T, thành phố B là hàng xóm quen biết với Bùi Thị X. Vào năm 2018, X đưa ra thông tin giả có thửa đất 5x30m, trên đất đã có sẵn dãy phòng trọ tại thành phố B muốn bán với giá 2.000.000.000 đồng nên rủ bà T2 mua chung để bán kiếm lời, T4 lời X nên bà T2 không đi xem dãy phòng trọ trên mà đưa cho X số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi đưa tiền, bà T2 nhiều lần yêu cầu X đưa đi xem thửa đất và dãy phòng trọ, nhưng X tìm lý do né tránh. Đến đầu năm 2019, X đưa ra thông tin giả có thửa đất diện tích 15m x 30m gần nhà X muốn hoán đổi cho bà T2 nhưng bà T2 phải đưa thêm cho X số tiền 500.000.000 đồng, tin lời X nên bà T2 đã đưa cho X số tiền 440.000.000 đồng. Sau đó, X tiếp tục đưa thông tin giả nói bà T2 đưa số tiền 480.000.000 đồng để X làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho bà T2. Sau khi đưa thêm cho X số tiền 920.000.000 đồng và quá thời hạn nhưng X không làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà T2, bà T2 tìm hiểu thì được biết X không có thửa đất nào, đồng thời không có dãy phòng trọ nào như X nói. Biết bị lừa nên bà T2 đã làm đơn tố cáo X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tổng số tiền X đã chiếm đoạt của bà T2 là 1.920.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T2 khai nhận bị cáo chiếm đoạt của bà T2 1.300.000.000 đồng và được bị cáo đồng ý.

Vụ thứ tư: Bùi Thị X quen biết với bà Phạm Thị H, sinh năm 1952, thường trú: A N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Để có tiền tiêu xài, X rủ bà H góp tiền mua đất và nhà để bán lại kiếm lời chia nhau. Tin lời X nên bà H đã đưa tiền cho X và bị X chiếm đoạt, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 29/10/2018, X đưa ra thông tin giả là có thửa đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai muốn bán với giá 1.500.000.000 đồng nên rủ bà H và bà T2 cùng mua chung, mỗi người góp 500.000.000 đồng. Bà H đã chuyển 500.000.000 đồng vào tài khoản của ông Phạm Trung T1 (là chồng bà T2) để nhờ đưa cho X, sau đó ông T1 đã đưa cho X số tiền nêu trên.

+ Lần thứ hai: Ngày 02/11/2018, X đưa ra thông tin giả có thửa đất mua chung với chị H làm tại Công ty T8, thửa đất này trị giá 800.000.000 đồng. X

nói với bà H góp 200.000.000 đồng. Tin lời X, bà H đã đưa cho X 200.000.000 đồng tại ngã 3 Thái Lan thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Lần thứ ba: Ngày 12/11/2018, X đưa ra thông tin giả có lô đất ngang 15m dài 33m, gần nhà X, trị giá 1.750.000.000 đồng, X nói bà H góp 500.000.000 đồng để mua chung, tin tưởng nên bà H đã đưa cho X 500.000.000 đồng tại ngã 03 Thái Lan, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Lần thứ tư: Ngày 19/11/2018, X đưa ra thông tin giả có thửa đất tại phường T, gần chợ A với giá 1.500.000.000 đồng. X nói bà H góp 500.000.000 đồng để mua chung thửa đất trên. Tin tưởng X, bà H đã đưa cho chị X số tiền 500.000.000 đồng tại ngã 03 Thái Lan, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Lần thứ năm: Ngày 28/12/2018, X đưa thông tin giả nói với bà H góp tiền mua chung căn nhà gần nhà X tại phường T, thành phố B, nên bà H đã tin tưởng đưa cho X 35.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 45.000.000 đồng. Tổng cộng là 80.000.000 đồng.

+ Lần thứ sáu: Ngày 07/01/2019, X đưa thông tin giả và nói bà H đưa cho X số tiền 400.000.000 đồng để góp với X mua căn nhà tại tổ D, ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với giá 1 tỷ đồng. Bà H tin tưởng đã đưa số tiền trên cho X.

+ Lần thứ bảy: Ngày 06/4/2019, X đưa thông tin giả và nói bà H đưa cho X số tiền 242.000.000 đồng để góp mua chung căn nhà gần nhà X ở phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà H tin tưởng đã đưa số tiền trên cho X.

+ Lần thứ tám: Ngày 26/4/2019, X tiếp tục đưa thông tin giả và nói bà H góp tiền mua chung thửa đất diện tích 95m x 33m tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với giá 5.5 tỷ đồng. Tin lời X bà H đã đưa cho X số tiền 1.750.000.000 đồng tại trường Trung học cơ sở H2, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Lần thứ chín: Ngày 10/5/2019, X đưa ra thông tin giả và nói bà H góp tiền mua nhà tại phường T, thành phố B với giá 1.000.000.000 đồng, bà H đã đưa cho X số tiền 120.000.000 đồng tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi đưa tiền cho X, bà H không thấy X bán đất, nhà để đưa tiền cho bà H như X đã hứa hẹn nên bà H yêu cầu X dẫn đi xem nhà và đất, nhưng X tìm cách né tránh không thực hiện. Sau đó, bà H tìm gặp X để đòi tiền nhưng X đã bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó, bà H đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Bùi Thị X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Tổng số tiền Bùi Thị X chiếm đoạt của bà H là 4.292.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Bùi Thị X và bà Lê Thị T5, sinh năm 1970, ngụ tại: khu D, ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai là bạn buôn bán cùng với nhau tại chợ P1, thuộc khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vào năm 2019 (không rõ ngày, tháng), X rủ bà Lê Thị T5 góp tiền mua đất chung sau đó bán kiếm lời

chia nhau, tin tưởng X nên bà T5 đã đưa tiền cho X thành nhiều lần trong năm 2019 và đã bị X chiếm đoạt, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: X đưa thông tin giả có thửa đất tại quận T, thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể) bán với giá 750.000.000 đồng, X nói bà T5 góp tiền mua chung, bà T5 đồng ý đưa cho X số tiền 550.000.000 đồng.

+ Lần thứ hai: X đưa thông tin giả có thửa đất tại C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bán với giá 650.000.000 đồng và nói bà T5 góp tiền mua chung, bà T5 đồng ý đưa cho X số tiền 420.000.000 đồng.

+ Lần thứ ba: X tiếp tục đưa ra thông tin giả có thửa đất tại phường L (không rõ địa chỉ cụ thể) bán với giá 650.000.000 đồng và nói bà T5 góp tiền mua chung, bà T5 đồng ý đưa cho X số tiền 420.000.000 đồng.

+ Lần thứ tư: X nói bà T5 góp 200.000.000 đồng để mua thửa đất trị giá 700.000.000 đồng, nhưng không nói thửa đất ở đâu, tin lời X nên bà T5 đưa cho X số tiền 200.000.000 đồng.

+ Lần thứ năm: X nói bà T5 góp 70.000.000 đồng để mua chung thửa đất tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai (không rõ địa chỉ cụ thể), tin lời X nên bà T5 đã đưa cho X số tiền 70.000.000 đồng.

Sau khi đưa tiền cho X, nhưng không thấy X bán được đất, nhà để chia tiền cho bà T5, bà T5 đã yêu cầu X dẫn đi xem nhà và đất, nhưng X tìm cách né tránh không thực hiện. Sau đó, bà T5 tự tìm hiểu thì biết mình bị lừa và đi tìm X để đòi tiền nhưng X đã bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó, bà T5 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tố cáo hành vi lừa đảo của Bùi Thị X. Tổng số tiền Bùi Thị X đã chiếm đoạt của bà T5 là 1.660.000.000 đồng. Qua đối chất giữa bị cáo X và bà T5 thì bị cáo X chỉ thừa nhận chiếm đoạt của bà T5 số tiền 1.300.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T5 khai nhận X chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng.

Tang vật thu giữ:

- 01 hợp đồng nhận cọc đề ngày 25/5/2020, bán thửa đất tờ bản đồ số 11, thửa số 8 mà bị can X bán cho bà N2. (được lưu hồ sơ vụ án) bút lục số 269.

- 01 hợp đồng nhận cọc đề ngày 08/3/2020, bán thửa đất tờ bản đồ số 11, thửa số 8 mà bị can X làm giả, người bán là anh Phạm Trung T1 người mua là chị Nguyễn Thị X1 (được lưu hồ sơ vụ án) bút lục số 272.

- 01 giấy góp vốn 200.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 02/11/2018; 01 giấy góp vốn 500.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 12/11/2018; 01 giấy góp vốn 500.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 19/11/2018; 01 giấy góp vốn 80.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 07/01/2019; 01 hợp đồng góp vốn 80.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 07/01/2019; 01 hợp đồng góp vốn 242.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 06/04/2019; 01 hợp đồng góp vốn 1.750.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 26/04/2019; 01 hợp đồng góp vốn 120.000.000 đồng mua nhà đất đề ngày 10/5/2019. Tất cả hợp đồng góp vốn trên

được bị can Bùi Thị X và bi hại Phạm Thị H ký kết với nhau; 01 giấy nộp tiền kiêm lệnh chuyển tiền với số tiền 500.000.000 đồng đề ngày 29/10/2018; 01 giấy ủy nhiệm chi 500.000.000 đồng đề ngày 05/01/2019; 01 giấy ủy nhiệm chi đề ngày 23/01/2019; 01 giấy ủy nhiệm chi đề ngày 28/12/2018 do bà Phạm Thị H giao nộp (được lưu hồ sơ vụ án) bút lục số 176-188.

- 01 Giấy chứng nhận quyền đất số CK687891, đứng tên chủ sở hữu là ông Phạm Trung T1 và 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của ông Phạm Trung T1 và bà Phạm Thị T6. Do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả cho ông Phạm Trung T1 và bà Phạm Thị T6. Bút lục số 293-298.

Tại Kết luận giám định số 2397/KLGĐ-PC09 ngày 30/12/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ viết Bùi Thị X ở phần ký hợp đồng nhận cọc với chị Nguyễn Thị N2 đề ngày 25/5/2020 và chữ viết Bùi Thị X ở phần chữ ký trên 05 giấy góp vốn mua nhà đất và trên 04 hợp đồng góp vốn mua nhà đất với bà Phạm Thị H so với chữ viết Bùi Thị X ở phần người khai trên tờ khai chứng minh nhân dân số 145454725 mang tên Bùi Thị X là do cùng một người viết ra. Bút lục 267.

Tại Kết luận giám định số 2452/KLGĐ-PC09 ngày 13/11/2020 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ viết mang tên Phạm Trung T1 trên hợp đồng nhận cọc ngày 08/3/2020 so với chữ viết mang tên Phạm Trung T1 do Cơ quan điều tra thu thập thì không phải do cùng một người ký và viết ra. Bút lục 271.

Tại bản Cáo trạng số 272/CT-VKS-P2 ngày 27/11/2023 và Quyết định giữ nguyên quan điểm số 564/VKS – P2 ngày 03/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Bùi Thị X về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị X 16 (mười sáu) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 10/5/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01 tháng 6 năm 2024, bị hại Phạm Thị H kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, vì cho rằng mức hình phạt đối với bị cáo X là quá nhẹ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị X. Đồng thời, bà H

biết bị cáo X có tài sản là 01 ngôi nhà gần chợ T9, Biên H1 mới mua tháng 4 năm 2021 và một số tài sản khác do bị cáo tặng cho người nhà của bị cáo, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo X trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo là bị hại Phạm Thị H xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

Người kháng cáo là bị hại Phạm Thị H xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bà H.

Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Bùi Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng pháp luật. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị X 16 (mười sáu) năm tù, là đúng pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

Luật sư trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Đề nghị bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo là bị hại Phạm Thị H xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Phạm Thị H về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị X.

[2.1.1]. Về tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị

hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định:

Xuất phát từ nhu cầu tiêu xài cá nhân và để trả nợ, bị cáo tuy không có đất và không mua bán nhà, đất nhưng bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối để bán đất, kêu gọi các bị hại hùn vốn chung mua nhà, đất làm cho người bị hại tin tưởng. Từ năm 2018 đến năm 2020, bị cáo Bùi Thị X đã thực hiện 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền là 9.442.000.000 đồng của các bị hại. Cụ thể bị cáo chiếm đoạt của bị hại bà Nguyễn Thị N2 số tiền 1.650.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị X1 số tiền 900.000.000 đồng, bà Phan Thị T2 số tiền 1.300.000.000 đồng, bà Phạm Thị H số tiền 4.292.000.000 đồng và bà Lê Thị T7 số tiền 1.300.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo X đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"*. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1.2]. Về hình phạt:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Gia đình bị cáo có công với cách mạng thể hiện cha mẹ bị cáo tham gia cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 1 và 3 (BL 315-316). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo, là có căn cứ.

Điều 174, khoản 4, điểm a quy định:

"*4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:*

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;"

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất nguy hiểm và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo (không có tiền án, tiền sự), xử phạt bị cáo Bùi Thị X 16 (mười sáu) năm tù, là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ để tăng hình phạt đối với bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị H yêu cầu bị cáo X trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt của bà H và trình bày bị cáo có nhiều tài sản để thi

hành án. Xét thấy, yêu cầu này của bà H thuộc lĩnh vực thi hành án, không thuộc phạm vi xét kháng cáo phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3]. Tại biên bản bắt người đang bị truy nã (BL 61) thể hiện bị cáo bị bắt ngày 09/5/2023. Tại phần lý lịch của bị cáo và phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo bị bắt ngày 10/5/2023 và thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2023 là không chính xác. Tuy nhiên, không cần hủy, sửa bản án sơ thẩm vì lý do này, mà Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ điều chỉnh lại thông tin cho chính xác.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, được chấp nhận.

[6]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 30 - 5 - 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị X 16 (mười sáu) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 09/5/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Thị X 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị H không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo (Trại tạm giam tống đạt);
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hòa